BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(đã được kiểm toán)

WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	05 - 23
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 số 1800545163 ngày 13/08/2025.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông	Lê Văn Thắng	Giám đốc
Ông	Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà	Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông	Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Đỗ Hoàng Nam – Chủ tịch Công ty và Ông Lê Văn Thắng – Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Lê Văn Thắng
Giám đốc
Phê duyệt, ngày 14 tháng 07 năm 2026

Số: 140726.003/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 14 tháng 07 năm 2026, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Nguyễn Anh Ngọc
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2023-002-1

Hoàng Đức Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã trình bày lại) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.123.848.201.339**	**1.302.410.907.670**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**325.140.035.667**	**692.185.023.436**
111	1. Tiền		325.140.035.667	332.185.023.436
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	360.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**510.000.000.000**	**336.537.397.260**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		510.000.000.000	336.537.397.260
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**279.432.220.184**	**264.324.534.151**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	272.340.771.765	242.775.710.250
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.931.210.712	19.683.797.808
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.630.725.187	2.335.513.573
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(470.487.480)	(470.487.480)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**9.209.931.342**	**8.391.204.675**
141	1. Hàng tồn kho	8	9.209.931.342	8.391.204.675
160	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**66.014.146**	**972.748.148**
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	11	66.014.146	972.748.148
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**89.204.285.430**	**93.919.540.049**
220	**I. Tài sản cố định**		**86.698.405.343**	**91.360.987.912**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	39.639.840.297	43.944.599.942
222	*- Nguyên giá*		*87.918.429.562*	*90.732.187.017*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(48.278.589.265)*	*(46.787.587.075)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	47.058.565.046	47.416.387.970
228	*- Nguyên giá*		*50.079.420.192*	*50.079.420.192*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(3.020.855.146)*	*(2.663.032.222)*
250	**Ii. Tài sản dở dang dài hạn**		**442.037.037**	**442.037.037**
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		442.037.037	442.037.037
260	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
262	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.000.000.000	2.000.000.000
270	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**63.843.050**	**116.515.100**
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	11	63.843.050	116.515.100
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.213.052.486.769**	**1.396.330.447.719**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã trình bày lại) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**713.052.486.769**	**896.330.447.719**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**713.052.486.769**	**896.330.447.719**
313	1. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	12	397.695.593.545	546.137.236.507
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	13	250.457.788.264	269.510.285.391
315	3. Phải trả người lao động		3.050.466.713	13.664.699.699
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		49.166.666	-
320	5. Phải trả ngắn hạn khác		2.870.741.000	2.983.835.661
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	14	55.000.000.000	55.000.000.000
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.928.730.581	9.034.390.461
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**500.000.000.000**	**500.000.000.000**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	15	500.000.000.000	500.000.000.000
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.213.052.486.769**	**1.396.330.447.719**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		487.391.977.117	444.375.587.924
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		160.000.000.000	140.000.000.000

Nguyễn Hoàng Thắng	**Huỳnh Thanh Liêm**	**Lê Văn Thắng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
			VND	VND
01	**1. Doanh thu**	**17**	**3.441.316.437.775**	**3.044.714.928.286**
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		3.440.930.718.175	3.044.330.272.728
01.1.1	*1.1.1. Xổ số truyền thống*		*3.440.930.718.175*	*3.044.330.272.728*
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		385.719.600	384.655.558
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**18**	**448.817.050.189**	**397.086.557.248**
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		448.817.050.189	397.086.557.248
02.1.1	*2.1.1. Xổ số truyền thống*		*448.817.050.189*	*397.086.557.248*
10	**3. Doanh thu thuần**		**2.992.499.387.586**	**2.647.628.371.038**
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.992.113.667.986	2.647.243.715.480
10.1.1	*3.1.1. Xổ số truyền thống*		*2.992.113.667.986*	*2.647.243.715.480*
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		385.719.600	384.655.558
11	**4. Chi phí kinh doanh**	**19**	**2.379.398.814.470**	**2.146.544.591.330**
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		2.379.398.814.470	2.146.544.591.330
11.1.1	*4.1.1. Chi phí trả thưởng*		*1.767.404.900.000*	*1.604.263.000.000*
11.1.2	*4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*611.993.914.470*	*542.281.591.330*
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**613.100.573.116**	**501.083.779.708**
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		612.714.853.516	500.699.124.150
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		385.719.600	384.655.558
21	**6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư**		-	-
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.875.881.545	2.074.897.499
23	8. Chi phí tài chính		-	-
24	*- Trong đó: Chi phí đi vay*		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	87.676.724.679	120.154.409.205
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**527.299.729.982**	**383.004.268.002**
31	12. Thu nhập khác		826.102.471	23.414.000
32	13. Chi phí khác		-	-
40	**14. Lợi nhuận khác**		**826.102.471**	**23.414.000**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**528.125.832.453**	**383.027.682.002**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	113.604.236.406	77.209.798.119
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**414.521.596.047**	**305.817.883.883**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Nguyễn Hoàng Thắng	Huỳnh Thanh Liêm	Lê Văn Thắng
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc

Phê duyệt, ngày 14 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.606.785.284.430	2.815.370.535.855
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.166.854.556.865)	(1.673.094.874.293)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(57.422.874.918)	(30.938.530.984)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(144.346.644.124)	(110.526.068.503)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.716.016.238	120.169.523.336
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(928.325.169.832)	(870.518.410.604)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***355.552.054.929***	***250.462.174.807***
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		902.958.089	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(510.000.000.000)	(330.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		330.000.000.000	40.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.413.185.369	4.182.294.759
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(170.683.856.542)***	***(285.817.705.241)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(551.913.186.156)	(389.397.295.390)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(551.913.186.156)***	***(389.397.295.390)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(367.044.987.769)**	**(424.752.825.824)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**692.185.023.436**	**749.407.801.093**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**325.140.035.667**	**324.654.975.269**

Nguyễn Hoàng Thắng	Huỳnh Thanh Liêm	Lê Văn Thắng
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc

Phê duyệt, ngày 14 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty Xổ số Kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 số 1800545163 ngày 13/08/2025.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151, đường 3/2, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là: 124 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 122 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ tháng 04 năm 2026, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 16 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu và chi phí 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty tăng so với 06 tháng đầu năm 2025.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 99/2025/TT-BTC từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 25 của Báo cáo tài chính này.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:
- Dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giữa niên độ giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với các hợp đồng có rủi ro lớn liên quan đến hàng tồn kho, Công ty xem xét trích lập dự phòng phải trả theo từng hợp đồng có rủi ro lớn và ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn	
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí chờ phân bổ

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm:
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành.
- Chi phí chờ phân bổ khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2.14 . Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả lợi nhuận cho Nhà nước theo quy định của pháp luật liên quan.

Thời điểm ghi nhận là thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

2.15 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**
Trong đó:
- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc Hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.21 . Bán, thanh lý tài sản cố định

Thu nhập từ bán, thanh lý tài sản cố định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua.

Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc bán thanh lý tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu với chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định. Số lãi hoặc lỗ này được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này;
- Các tổ chức, cá nhân khác được xác định là bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã trình bày lại) VND
Tiền mặt	25.322.019.984	13.870.092.461
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	299.818.015.683	318.314.930.975
Các khoản tương đương tiền	-	360.000.000.000
	325.140.035.667	**692.185.023.436**

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày 30/06/2026 như sau:

	Loại tiền	Giá trị
		VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	VND	45.241.585.409
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cái Răng	VND	63.383.838.069
- Các ngân hàng khác	VND	191.192.592.205
		299.818.015.683

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026 (Đã trình bày lại)
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	510.000.000.000	330.000.000.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	6.537.397.260
	510.000.000.000	**336.537.397.260**

Thông tin chi tiết về các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngày 30/06/2026 như sau:

	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Giá trị
				VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
- Chi nhánh Tây Đô	VND	06 - 08 tháng	7,2% - 8,0%	140.000.000.000
- Chi nhánh Hậu Giang	VND	06 tháng	7,8% - 8,0%	80.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	VND	06 - 08 tháng	8,0%	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
- Chi nhánh Cần Thơ	VND	06 - 12 tháng	7,2% - 8,0%	80.000.000.000
Các ngân hàng khác	VND	06 tháng	6,2% - 8,0%	100.000.000.000
				510.000.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	**-**	**2.000.000.000**	**-**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2026 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang (nay là Cần Thơ)	40%	40%	In ấn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Bên khác		
- Đại lý Thái Phước Đại	27.923.571.000	24.157.869.650
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	19.027.768.500	18.778.310.500
- Đại lý Mai Hữu Ánh	15.227.758.500	14.065.851.000
- Phải thu đại lý khác	210.161.673.765	185.773.679.100
	272.340.771.765	**242.775.710.250**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	4.407.623.232	19.213.310.328
- Các đối tượng khác	523.587.480	470.487.480
	4.931.210.712	**19.683.797.808**

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã trình bày lại) VND
- Tạm ứng	202.020.879	279.187.659
- Thuế TNCN đại lý vé số	2.360.555.500	2.054.208.400
- Phải thu khác	68.148.808	2.117.514
	2.630.725.187	**2.335.513.573**

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Hàng hóa biếu tặng	4.540.841.742	4.305.751.275
- Vé xổ số	4.669.089.600	4.085.453.400
	9.209.931.342	**8.391.204.675**

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	49.639.915.192	439.505.000	50.079.420.192
Số dư cuối kỳ	**49.639.915.192**	**439.505.000**	**50.079.420.192**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.418.862.782	244.169.440	2.663.032.222
- Khấu hao trong kỳ	*284.572.092*	*73.250.832*	*357.822.924*
Số dư cuối kỳ	**2.703.434.874**	**317.420.272**	**3.020.855.146**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	47.221.052.410	195.335.560	47.416.387.970
Tại ngày cuối kỳ	**46.936.480.318**	**122.084.728**	**47.058.565.046**

- Các tài sản cố định vô hình tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Thời hạn thuê	Mục đích sử dụng	Nguyên giá
		m²			VND
Quyền sử dụng đất	Tp. Hồ Chí Minh	100,2	Không thời hạn	Làm trạm thanh hủy và phát hành vé số	24.696.086.364
Quyền sử dụng đất	Cần Thơ	1.159,2	365 tháng	Làm văn phòng đại diện	8.488.953.128
Quyền sử dụng đất	Hậu Giang (nay là Cần Thơ)	898,9	566 tháng	Làm trụ sở Công ty	5.982.680.104
Các tài sản khác					10.911.700.596
					50.079.420.192

11 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	66.014.146	138.637.698
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	-	834.110.450
	66.014.146	**972.748.148**
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	63.843.050	116.515.100
	63.843.050	**116.515.100**

12 . PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số đầu kỳ (Đã trình bày lại)	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	546.137.236.507	403.471.543.194	551.913.186.156	397.695.593.545
	546.137.236.507	**403.471.543.194**	**551.913.186.156**	**397.695.593.545**

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu kỳ	55.000.000.000	20.176.861.098
Dự phòng rủi ro trả thưởng cuối kỳ	**55.000.000.000**	**20.176.861.098**

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	**500.000.000.000**	-	**500.000.000.000**
Lãi trong kỳ trước	-	305.817.883.883	305.817.883.883
Tạm trích các quỹ	-	(16.517.464.762)	(16.517.464.762)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(289.300.419.121)	(289.300.419.121)
Số dư cuối kỳ trước	**500.000.000.000**	-	**500.000.000.000**
Số dư đầu kỳ này	**500.000.000.000**	-	**500.000.000.000**
Lãi trong kỳ này	-	414.521.596.047	414.521.596.047
Tạm trích các quỹ(*)	-	(11.050.052.853)	(11.050.052.853)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách(*)	-	(403.471.543.194)	(403.471.543.194)
Số dư cuối kỳ này	**500.000.000.000**	-	**500.000.000.000**

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	Tỷ lệ %	01/01/2026 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100,00
	500.000.000.000	**100,00**	**500.000.000.000**	**100,00**

16 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích(m^2)
Vị trí 1 Thửa đất số 18,19; tờ bản đồ số: 19, khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ)	Hợp đồng số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018	Làm trụ sở Công ty	50 năm	124,7

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	3.440.930.718.175	3.044.330.272.728
Doanh thu khác	385.719.600	384.655.558
	3.441.316.437.775	**3.044.714.928.286**

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	448.817.050.189	397.086.557.248
	448.817.050.189	**397.086.557.248**

19 . CHI PHÍ KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	2.379.398.814.470	2.146.544.591.330
- Chi phí trả thưởng	*1.767.404.900.000*	*1.604.263.000.000*
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	*611.993.914.470*	*542.281.591.330*
	2.379.398.814.470	**2.146.544.591.330**

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	570.624.309.500	504.756.482.800
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	*567.753.568.500*	*502.314.495.000*
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	*2.870.741.000*	*2.441.987.800*
2. Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.148.500.000	1.544.258.000
3. Chi phí chống số đề	-	141.350.500
4. Chi phí vé xổ số	38.714.534.600	34.363.636.360
5. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.446.570.370	1.415.863.670
6. Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	60.000.000	60.000.000
	611.993.914.470	**542.281.591.330**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi (*)	1.875.881.545	2.066.787.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.109.874
	1.875.881.545	**2.074.897.499**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	**-**	**8.109.874**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)		

(*) Phần lãi tiền gửi trên chưa bao gồm lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 04) tại thời điểm 30/06 và sẽ được hạch toán vào cuối năm tài chính.

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân công	42.864.070.200	29.323.570.640
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	1.037.617.052	1.630.793.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.662.582.569	4.760.754.235
Thuế, phí, và lệ phí	121.378.687	128.183.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.111.686	898.775.878
Chi phí tài trợ	808.200.000	40.708.505.233
Chi phí quảng cáo	22.278.783.265	23.069.332.507
Chi phí khác bằng tiền	14.976.981.220	19.634.493.441
	87.676.724.679	**120.154.409.205**

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	528.125.832.453	383.027.682.002
Các khoản điều chỉnh tăng	39.895.349.573	3.029.418.468
- Chi phí không được trừ	*39.895.349.573*	*3.029.418.468*
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(8.109.874)
- Thu nhập không chịu thuế	-	*(8.109.874)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	568.021.182.026	386.048.990.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	**113.604.236.406**	**77.209.798.119**
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	140.394.346.418	107.526.068.503
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(144.346.644.124)	(110.526.068.503)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**109.651.938.700**	**74.209.798.119**

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết
Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
	VND	VND
Lợi nhuận được chia		
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	-	8.109.874

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
		VND	VND
Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty		**2.977.284.648**	**2.614.567.381**
- Ông Đỗ Hoàng Nam	Chủ tịch	504.000.000	432.000.000
- Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc	520.197.604	471.516.343
- Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc	519.085.991	462.062.453
- Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc	519.085.991	462.062.453
- Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng	482.915.061	426.926.132
- Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên	432.000.000	360.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

25 . THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là thông tin của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Các thông tin này đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh 2.3, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99/2025/TT-BTC từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Theo đó một số chỉ tiêu tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được trình bày lại tên và mã số. Ngoài ra một số chỉ tiêu khác được phân loại lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, cụ thể như sau:

	Số liệu trên Báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Số liệu trên Báo cáo tài chính theo Thông tư 99/2025/TT-BTC		
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	Chênh lệch
		VND		VND	VND
Báo cáo tình hình tài chính					
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	121	330.000.000.000	123	336.537.397.260	(6.537.397.260)
- Phải thu ngắn hạn khác	135	8.872.910.833	135	2.335.513.573	6.537.397.260
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	815.647.521.898	314	269.510.285.391	546.137.236.507
- Phải trả về cổ tức, lợi nhuận		-	313	546.137.236.507	(546.137.236.507)

Nguyễn Hoàng Thắng	**Huỳnh Thanh Liêm**	**Lê Văn Thắng**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Phê duyệt, ngày 14 tháng 07 năm 2026

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	55.401.395.433	13.944.920.192	9.752.593.491	10.823.323.188	454.825.926	355.128.787	90.732.187.017
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.256.934.726)*	*(556.822.729)*	-	-	*(2.813.757.455)*
Số dư cuối kỳ	**55.401.395.433**	**13.944.920.192**	**7.495.658.765**	**10.266.500.459**	**454.825.926**	**355.128.787**	**87.918.429.562**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	16.571.584.169	11.082.154.921	8.771.207.198	9.653.083.351	369.706.437	339.850.999	46.787.587.075
- Khấu hao trong kỳ	*1.434.623.502*	*1.876.011.667*	*289.521.558*	*662.537.142*	*37.899.112*	*4.166.664*	*4.304.759.645*
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(2.256.934.726)*	*(556.822.729)*	-	-	*(2.813.757.455)*
Số dư cuối kỳ	**18.006.207.671**	**12.958.166.588**	**6.803.794.030**	**9.758.797.764**	**407.605.549**	**344.017.663**	**48.278.589.265**
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	38.829.811.264	2.862.765.271	981.386.293	1.170.239.837	85.119.489	15.277.788	43.944.599.942
Tại ngày cuối kỳ	**37.395.187.762**	**986.753.604**	**691.864.735**	**507.702.695**	**47.220.377**	**11.111.124**	**39.639.840.297**

- Chi tiết các tài sản cố định hữu hình tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên tài sản	Tình trạng sử dụng trong kỳ	Nguyên giá
		VND
Trụ sở Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	Đang sử dụng	11.708.479.159
Trụ sở Hậu Giang	Đang sử dụng	34.488.375.473
Lồng cầu quay số điện tử	Đang sử dụng	9.788.070.000
Các tài sản khác	Đang sử dụng	31.933.504.930
		87.918.429.562

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 21.568.595.869 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

	01/01/2026 (Đã trình bày lại)		Trong kỳ		30/06/2026	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	45.925.432.332	340.136.311.049	334.486.724.119	-	51.575.019.262
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	61.800.418.664	448.817.050.189	442.416.609.485	-	68.200.859.368
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	140.394.346.418	113.604.236.406	144.346.644.124	-	109.651.938.700
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	-	1.069.711.502	7.148.145.784	6.914.790.702	-	1.303.066.584
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	-	3.908.876.475	28.520.940.145	28.116.112.270	-	4.313.704.350
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	-	16.411.500.000	91.094.200.000	92.096.700.000	-	15.409.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	-	-	29.980.000	25.780.000	-	4.200.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	41.131.634	41.131.634	-	-
	-	**269.510.285.391**	**1.029.391.995.207**	**1.048.444.492.334**	**-**	**250.457.788.264**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.